

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

T, ngày 18 tháng 4 năm 2019

Số: 77/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Đặng Thị B, sinh năm 1953;

Địa chỉ cư trú: Số 79A/2 ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1951;

Địa chỉ cư trú: Số 114/2 ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Số 203/35/01 khu phố B, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

3. Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Trịnh Đăng K - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông K: Bà Nguyễn Kim N - Chức vụ: Công chức Tư pháp Hộ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2019).

4. Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An;

Người đại diện hợp theo pháp luật: Ông Hà Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà Đặng Thị B có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu bà Đặng Thị B trình bày: Bà Đặng Thị B và ông Đặng Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1970, có tổ chức cưới hỏi, không đăng ký kết hôn. Bà B và ông T chung sống có được 05 người con chung gồm Đặng Thị Thu V, sinh năm 1971; Đặng Thành C, sinh năm 1975; Đặng Thanh H, sinh năm 1977; Đặng Quốc H, sinh năm 1981 và Đặng Thị Thùy T, sinh năm 1989. Đến năm 1989, ông T đi làm ăn xa, đi đi về về phụ tiền cho bà B nuôi con chung. Đến năm 2018, bà B biết được ông T đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc P và được Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/11/2018 nên bà B yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2019, ông Đặng Văn T trình bày có nội dung như sau: Ông T thống nhất với trình bày của bà B về thời gian chung sống, con chung. Năm 1989, ông lên thị xã T (nay là thành phố T) làm ăn nên giao toàn bộ tài sản cho bà B nuôi con. Giữa ông và bà B không còn tới lui, liên lạc với nhau, thỉnh thoảng ông T về quê khi có đám tiệc. Do không có điều kiện tìm hiểu pháp luật về hôn nhân và gia đình nên ông nghĩ đơn giản là ông và bà B không có đăng ký kết hôn nên không làm thủ tục xin ly hôn. Vì vậy, năm 2018 ông T và chị Nguyễn Thị Ngọc P đến Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/11/2018. Nay ông T đồng ý hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông T và chị P theo yêu cầu của bà B.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2019, chị Nguyễn Thị Ngọc P xác định chị và ông Đặng Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T và được Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/11/2018. Nay chị được biết ông T chưa ly hôn với bà B mà lại kết hôn với chị nên việc kết hôn này là trái pháp luật, chị P đồng ý hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và ông T theo yêu cầu của bà B.

Tại văn bản tường trình ngày 02 tháng 3 năm 2019, Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An trình bày có nội dung như sau: Vào ngày 31 tháng 10 năm 2018, Ủy ban nhân dân xã A, huyện C có tiếp nhận hồ sơ xác nhận tình trạng hôn nhân của ông Đặng Văn T. Quá trình xác minh hồ sơ, Ủy ban nhân dân xã A nhận thấy ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị B chung sống với nhau từ năm 1970 đến năm 1984 có 05 người con chung. Đến năm 1985, ông T chung sống với bà Dương Thị Bé B có 02 người con chung, ông T và bà Bé B đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 163/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T. Vì vậy, ngày 31/10/2018, Ủy ban nhân dân xã A, huyện C có làm văn bản xác nhận tình trạng độc thân của ông Đặng Văn T để ông T bổ sung hồ sơ đăng ký kết hôn

với chị Nguyễn Thị Ngọc P tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An. Nay nhận thấy việc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A là không đúng nên đề nghị Tòa án tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông T và bà P, hủy giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An cấp cho ông T và chị P vào ngày 02/11/2018.

Tại văn bản tường trình ngày 08 tháng 4 năm 2019, bà Nguyễn Kim N đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An trình bày có nội dung như sau: Ngày 02/11/2018, Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T có nhận hồ sơ yêu cầu đăng ký kết hôn của ông Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P. Sau khi kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thấy đầy đủ và đúng thủ tục nên ngày 02/11/2018, Ủy ban nhân dân Phường 4 cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho ông Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P. Đối với yêu cầu của bà Đặng Thị B về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng theo quy định pháp luật. Do bận việc riêng nên chị N xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên họp phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và tại phiên họp đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định việc kết hôn giữa ông Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P là trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị B hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P, hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2018 ngày 02/11/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đặng Thị B có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P. Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An là nơi đăng ký kết hôn trái pháp luật cho ông T và chị P. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc P, Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An và Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[3] Về yêu cầu của bà Đặng Thị B: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà Đặng Thị B và ông Đặng Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1970, có tổ chức cưới hỏi, không đăng ký kết hôn. Ông T và bà B chung sống có 05 người con chung. Đến năm 1985, ông T chung sống với bà Dương Thị Bé B có 02 con chung, ông T ly hôn với bà Bé B vào ngày 04/10/2018. Đến ngày 02/11/2018, ông T đến Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An làm thủ tục xin đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc P. Ngày 02/11/2018, Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho ông T và chị P.

[4] Thấy rằng: Bà Đặng Thị B và ông Đặng Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1970, trước ngày 03/01/1987 là ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực thi hành. Tuy ông T và bà B không có đăng ký kết hôn nhưng đây là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận theo hướng dẫn tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Ông T chưa ly hôn với bà B, mối quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà B vẫn đang tồn tại, ông T là người đang có vợ mà lại kết hôn với chị P là đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 và điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc kết hôn giữa ông T và chị P là trái quy định pháp luật nên bà B yêu cầu hủy là có căn cứ.

[5] Tại bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2019, ông Đặng Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc P thừa nhận do thiếu hiểu biết pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hai người đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An trong khi ông T vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân với bà B nên đồng ý hủy việc kết hôn trái pháp luật theo yêu cầu của bà B.

[6] Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An là nơi ông Đặng Văn T cư trú đã thiếu kiểm tra, không xác minh chính xác tình trạng hôn nhân của ông T và bà B mà đã có văn bản xác nhận tình trạng độc thân của ông T để ông T bổ sung hồ sơ đăng ký kết hôn gửi Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T để Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông T và chị P, trong khi ông T và chị P không đủ điều kiện kết hôn. Ủy ban nhân dân xã A, huyện C cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[7] Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An là cơ quan nhận hồ sơ đăng ký kết hôn của ông T và chị P, đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho ông T và chị P trên cơ sở hồ sơ đăng ký kết hôn do ông T và chị P cung cấp trong đó có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 195/UBND-XNTTHN ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C xác nhận cho ông T với nội dung “Chưa đăng ký kết hôn với ai”. Tuy nhiên, như đã nhận định tại mục [4], hiện nay

ông T và bà B vẫn còn tồn tại hôn nhân hợp pháp, ông T và chị P không thỏa mãn điều kiện kết hôn nên Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2018 ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An cấp cho ông Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P là không có giá trị pháp lý, hôn nhân giữa ông T và chị P là trái pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 3, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 giữa Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông T và chị P, hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2018 ngày 02/11/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 4, T phố T, tỉnh Long An.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà B, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông T và chị P là có căn cứ.

[9] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà B là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 5; điểm d khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 3, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 giữa Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị B về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P.

Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2018 ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An cấp cho Nguyễn Thị Ngọc P và Đặng Văn T.

2. Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Chấm dứt quan hệ như vợ chồng giữa ông Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P.

Các quan hệ khác được giải quyết theo quy định pháp luật khi có yêu cầu.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Đặng Thị B được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên họp thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND Phường 4, tp T;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Long An;
- Các đương sự (05);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Hằng